HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN **TỈNH THÁI NGUYÊN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 07 /NQ-HĐND	*Thái Nguyên, ngày 31 tháng 3 năm 2022*

NGHỊ QUYẾT
Về việc điều chỉnh, bổ sung Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 tỉnh Thái Nguyên

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN
KHÓA XIV, KỲ HỌP THỨ NĂM (KỲ HỌP CHUYÊN ĐỀ)

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 973/2020/UBTVQH14 ngày 08 tháng 7 năm 2020 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Khóa XIV quy định về các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021 - 2025;

Căn cứ Nghị quyết số 29/2021/QH15 ngày 28 tháng 7 năm 2021 của Quốc hội Khóa XV về kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025;

Căn cứ Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;

Căn cứ Quyết định số 26/2020/QĐ-TTg ngày 14 tháng 9 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị quyết số 973/2020/UBTVQH14 ngày 08 tháng 7 năm 2020 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021 - 2025;

Căn cứ Quyết định số 1535/QĐ-TTg ngày 15 tháng 9 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ về giao kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021 - 2025;

Căn cứ Nghị quyết số 07/2020/NQ-HĐND ngày 11 tháng 12 năm 2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách địa phương giai đoạn 2021 - 2025 tỉnh Thái Nguyên;

Căn cứ Nghị quyết số 199/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên về việc thông qua Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 tỉnh Thái Nguyên;

Xét Tờ trình số 26/TTr-UBND ngày 23 tháng 3 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên về việc điều chỉnh, bổ sung Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 tỉnh Thái Nguyên; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Điều chỉnh, bổ sung Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 tỉnh Thái Nguyên:

1. Nguyên tắc phân bổ: Thực hiện theo Nghị quyết số 07/2020/NQ-HĐND ngày 11 tháng 12 năm 2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định về nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách địa phương giai đoạn 2021 - 2025 tỉnh Thái Nguyên.

2. Tổng số vốn sau khi bổ sung vào Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025: 23.574.129 triệu đồng *(tăng 378.312 triệu đồng)* từ các nguồn vốn sau:

- Từ nguồn kinh phí hỗ trợ của Công ty trách nhiệm hữu hạn Khai thác, chế biến khoáng sản Núi Pháo để phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Thái Nguyên theo Thông báo kết luận số 1066-TB/TU ngày 02 tháng 7 năm 2010 của Tỉnh ủy Thái Nguyên: 69.033 triệu đồng.

- Từ nguồn thu ủng hộ lập quy hoạch: 20.000 triệu đồng.

- Từ nguồn tăng thu ngân sách năm 2021: 90.633 triệu đồng.

- Từ nguồn dự phòng, kinh phí tiết kiệm chi (chi thường xuyên) chuyển sang chi đầu tư: 198.646 triệu đồng.

3. Nội dung bổ sung:

3.1. Bổ sung vốn cho các dự án tỉnh quản lý: 198.312 triệu đồng.

- Đường liên kết, kết nối các tỉnh Thái Nguyên, Bắc Giang và Vĩnh Phúc: 90.000 triệu đồng.

- Lập Quy hoạch tỉnh Thái Nguyên thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050: 20.000 triệu đồng.

- Xây dựng Trụ sở làm việc các cơ quan tỉnh Thái Nguyên: 88.312 triệu đồng.

3.2. Bổ sung có mục tiêu hỗ trợ các huyện, thành phố, thị xã (phân cấp cho các huyện, thành phố, thị xã): 180.000 triệu đồng.

- Thị xã Phổ Yên: 100.000 triệu đồng;

- Thành phố Sông Công: 20.000 triệu đồng;

- Huyện Đại Từ: 15.000 triệu đồng;
- Huyện Phú Bình: 20.000 triệu đồng;
- Thành phố Thái Nguyên: 5.000 triệu đồng;
- Huyện Đồng Hỷ: 5.000 triệu đồng;
- Huyện Phú Lương: 5.000 triệu đồng;
- Huyện Định Hóa: 5.000 triệu đồng;
- Huyện Võ Nhai: 5.000 triệu đồng.

4. Điều chỉnh giảm Kế hoạch đầu tư công trung hạn của một số dự án và đưa vào dự phòng: 178.312 triệu đồng.

(Chi tiết tại Phụ lục kèm theo)

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết theo đúng quy định của Luật Đầu tư công năm 2019 và các văn bản pháp luật có liên quan.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên Khóa XIV, Kỳ họp thứ năm (Kỳ họp chuyên đề) thông qua ngày 31 tháng 3 năm 2022./.

Nơi nhận:
- Ủy ban Thường vụ Quốc hội (Báo cáo);
- Chính phủ (Báo cáo);
- Bộ Tài chính (Báo cáo);
- Bộ Kế hoạch và Đầu tư (Báo cáo);
- Thường trực Tỉnh ủy (Báo cáo);
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Ủy ban MTTQ tỉnh;
- Các đại biểu HĐND tỉnh Khóa XIV;
- Tòa án nhân dân tỉnh;
- Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh;
- Cục Thi hành án dân sự tỉnh;
- Kiểm toán nhà nước Khu vực X;
- Văn phòng: Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể của tỉnh;
- TT HĐND, UBND các huyện, thành phố, thị xã;
- Báo Thái Nguyên, Trung tâm Thông tin tỉnh;
- Lưu: VT, CTHĐND.

CHỦ TỊCH

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN

Ký bởi: Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên
Email: hdndtinh@thainguyen.gov.vn
Cơ quan: Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên
Ngày ký: 31-03-2022 16:15:45 +07:00

Phạm Hoàng Sơn

Phụ lục

ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN GIAI ĐOẠN 2021 - 2025

(Kèm theo Nghị quyết số: 07 /NQ-HĐND ngày 31 tháng 3 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Nguồn vốn/dự án	Kế hoạch đầu tư công tại Nghị quyết số 199/NQ-HĐND ngày 10/12/2021	Điều chỉnh, bổ sung	Kế hoạch sau điều chỉnh, bổ sung	Ghi chú
A	**Nguồn vốn ngân sách địa phương đầu tư xây dựng cơ bản tập trung trong nước**	**4.026.800**	**378.312**	**4.405.112**	
I	**Nguồn vốn bổ sung**		**378.312**		
1	Nguồn kinh phí hỗ trợ của Công ty TNHH Khai thác chế biến Khoáng sản Núi Pháo để phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Thái Nguyên theo Thông báo kết luận số 1066-TB/TU ngày 02/7/2010 của Tỉnh ủy Thái Nguyên		69.033		
2	Ủng hộ quy hoạch tỉnh		20.000		
3	Tăng thu ngân sách năm 2021		90.633		
4	Dự phòng, kinh phí tiết kiệm chi thường xuyên năm 2021 bổ sung cho đầu tư		198.646		
II	**Phân bổ chi tiết nguồn vốn bổ sung**		**378.312**		
1	**Bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn cho các dự án**	**147.612**	**198.312**	**345.924**	
1.1	Tuyến đường liên kết, kết nối các tỉnh Thái Nguyên, Bắc Giang và Vĩnh Phúc	112.000	90.000	202.000	
1.2	Lập Quy hoạch tỉnh Thái Nguyên thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050	35.612	20.000	55.612	Bố trí đủ vốn để hoàn thành năm 2022

STT	Nguồn vốn/dự án	Kế hoạch đầu tư công tại Nghị quyết số 199/NQ-HĐND ngày 10/12/2021	Điều chỉnh, bổ sung	Kế hoạch sau điều chỉnh, bổ sung	Ghi chú
1.3	Xây dựng Trụ sở làm việc khối các cơ quan tỉnh Thái Nguyên	-	88.312	88.312	Bố trí ngân sách địa phương để khởi công mới năm 2022 *(Nguồn vốn thu tiền sử dụng đất được giao trong kế hoạch trung hạn, năm 2022 chưa cân đối được cho dự án)*
2	**Bổ sung có mục tiêu hỗ trợ các huyện, thành phố, thị xã**	**1.100.000**	**180.000**	**1.280.000**	
2.1	Thị xã Phổ Yên	120.975	100.000	220.975	
2.2	Thành phố Sông Công	85.560	20.000	105.560	
2.3	Huyện Đại Từ	147.274	15.000	162.274	
2.4	Huyện Phú Bình	121.676	20.000	141.676	
2.5	Thành phố Thái Nguyên	150.079	5.000	155.079	
2.5	Huyện Đồng Hỷ	123.781	5.000	128.781	
2.7	Huyện Phú Lương	113.612	5.000	118.612	
2.8	Huyện Định Hóa	123.781	5.000	128.781	
2.9	Huyện Võ Nhai	113.262	5.000	118.262	
B	**Nguồn vốn từ thu tiền sử dụng đất và sắp xếp lại nhà đất**	**958.700**	**-**	**958.700**	
I	**Điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn cho các dự án**	**958.700**	**-178.312**	**780.388**	
1	Tuyến đường liên kết, kết nối các tỉnh Thái Nguyên, Bắc Giang và Vĩnh Phúc	554.000	-90.000	464.000	
2	Xây dựng Trụ sở làm việc khối các cơ quan tỉnh Thái Nguyên	404.700	-88.312	316.388	
II	**Dự phòng chưa phân bổ**	**-**	**178.312**	**178.312**	